TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Cao Hùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Ninh Quốc Hậu;

2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 12, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977; cư trú tại: Tổ 12, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh U tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vào năm 2004. Sau khi tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn thời gian đầu chị thấy cuộc sống hai vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2021 phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau về tính tình, anh U không tin tưởng chị trong chuyện tình cảm vợ chồng dẫn đến hai vợ chồng cự cãi nhau với nhau thường xuyên. Do không hợp nhau nên chị và anh U đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

- Về con chung: qúa trình chung sống vợ chồng chị và anh U có ba con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/10/2001, Nguyễn Thị V, sinh ngày 14/11/2003, Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 23/7/2011. Hiện nay cháu H, cháu V đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối. Đối với cháu H hiện nay đang sống với chị, nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:

- Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình chung sống vợ chồng, đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2021 cho đến nay do chị T không chung thủy với anh, nên dẫn đến hai vợ chồng cự cãi gây lộn với nhau thường xuyên, còn việc đánh vợ thì anh không đánh, việc chị T không chung thủy thì anh chỉ nghi nghờ, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do cự cãi nên T đã tự ý bỏ nhà đi và sống ly thân với anh từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Do anh con thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: anh đồng ý với lời trình của chị T về con chung. Hiện nay cháu H, cháu V đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 23/7/2011 hiện đang sống với mẹ là chị T, nếu ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi cháu Hương.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà xét xử sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để đến Tòa án xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh U; về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 23/7/2011 cho chị T

nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi cháu H; về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận chị T, anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/3/2022, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh U.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn U chung sống vợ chồng từ năm 2000, đến ngày 03/9/2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị T yêu cầu ly hôn với anh U vì lý do anh U thường xuyên ghen tuông, chửi mắng xúc phạm chị, không tôn trọng chị và gia đình. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: từ khi chị T và anh U chuyển về địa phương sinh sống thì vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Do cự cãi nên chị T và anh U đã sống ly thân với anh từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay là phù hợp với lời trình bày của chị T và anh U. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn U.

[3] Về con chung: Chị T, anh U có ba con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/10/2001, Nguyễn Thị V, sinh ngày 14/11/2003, Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 23/7/2011.

Hiện nay cháu H, cháu V đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét. Đối với cháu Hhiện nay đang sống với chị T, quá trình giải quyết vụ án cháu Hương trình bày ý kiến có nguyện vọng sống với chị T, anh U cũng đồng ý nếu ly hôn sẽ giao cháu Hcho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H1 là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh U không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh U không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" với anh Nguyễn Văn U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 23/7/2011. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh U không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003715, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cao Hùng